

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày 06-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Cứ

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1997, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/01/2020, tạm giam ngày 19/01/2020 cho đến nay “có mặt”.

Các bị hại:

1. Nguyễn Thái D, sinh năm 1989; Thân Thị Thùy Trang, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

2. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

3. Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vũ Minh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
Vắng mặt
2. Nguyễn Nhật T, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ ngày 16/01/2020, Phạm Văn T đến sửa điện thoại tại cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1989, thuộc ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong lúc đợi sửa điện thoại, T xin đi ra sau nhà anh D để đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong, T đi ra ngang qua phòng ngủ thứ hai và nhìn qua khe cửa thấy có giỏ xách đựng tiền bên trong nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền. Do cửa phòng đang mở nên T đi vào và lấy trong túi xách số tiền 19.200.000 đồng bỏ vào túi quần phía sau bên trái và đi ra ngoài lấy điện thoại đã sửa xong ra về. Khoảng 10 phút sau, vợ anh D là chị Thân Thị Thùy T, sinh năm 1988 phát hiện bị mất tiền nên trình báo công an xã A. Cùng lúc, anh D đi tìm và gặp T lấy lại số tiền 19.200.000 đồng mang nộp Công an xã A.

Quá trình điều tra, T khai nhận, ngoài hành vi lấy trộm tiền của gia đình anh D, thì trước đó T có thực hiện 03 vụ trộm khác trên địa bàn xã V và xã A, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 01/12/2019, T đi bộ trên đường tỉnh lộ 788 hướng từ xã H về xã A. Khi đi đến khu vực ấp P, xã V thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 70P1-1450 của anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979, ngụ ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh để trước sân nhà có sẵn chìa khóa trên xe, không có người trông coi, T nảy sinh ý định và đẩy trộm xe của anh Đ điều khiển xe đến nhờ anh Vũ Minh T1, sinh năm 1984, ngụ ấp B, xã T; T nhờ T1 mang xe đến anh Nguyễn Nhật T2 sinh năm 1992 ở ấp T, xã Đ cầm cố số tiền 2.000.000 đồng, đóng lãi lại cho anh T2 200.000 đồng còn lại 1.800.000 đồng và tiêu xài cá nhân. Hiện anh T2 đã cho chuộc xe và nhận lại tiền nhưng không biết người chuộc nên không thu hồi được xe.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ, không xác định được ngày, đầu tháng 01/2020, T điều khiển xe mô tô hiệu Cub (không rõ biển số) đến rẫy mì tại ấp V, xã A của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1974, ngụ ấp 3, xã V thì phát hiện một

mô tơ bơm nước của anh T3 đặt ngay giếng nước, cạnh đám mì, không có người trông coi. T lén lút lấy trộm đem đi thay tay cầm của mô tơ và mang về nhà, sau đó đem đến chòi rẫy của anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1992, ngụ ấp L, xã A cất giấu.

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ, ngày 13/01/2020, T có đến tiệm điện thoại K 2, thuộc ấp V, xã A, huyện C để sửa điện thoại. Trong khi đợi sửa điện thoại, T qua quán nước mía ở đối diện của chị Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1975, ngụ ấp V, xã A, huyện C để uống nước. T phát hiện trên đầu tủ xe nước mía có một thùng đựng tiền, không có người trông coi; T lấy hết số tiền trong đó rồi bỏ đi. Số tiền T trộm được là 453.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 05/3/2020 có kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 70P1-1450, đã qua sử dụng có giá là 10.000.000 đồng. 01 mô tơ bơm nước công suất một ngựa, đã qua sử dụng có giá là 350.000 đồng.

Các bị hại vắng mặt: Anh D, chị T khai đã nhận lại số tiền 19.200.000 đồng. Anh T3 khai đã nhận lại một mô tơ bơm nước. Anh Đ chưa nhận được xe mô tô bị mất nhưng đã nhận số tiền bồi thường là 10.000.000 đồng do ông T4 là cha ruột bị cáo T giao, chị Huỳnh Thị Thùy T xác định số tiền bị mất do T lấy là 453.000 đồng, nhưng chị không yêu cầu T trả lại. Tất cả các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSCT ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản cáo trạng mà VKS truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tranh luận và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Đ, anh D, anh T3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Huỳnh Thị Thùy T không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo một điện thoại di động.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã bắt được sai trái của mình hứa khắc phục sửa chữa; Mong HĐXX xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi: Lợi dụng sự sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt của các bị hại gồm: chiếm đoạt của anh Nguyễn Thái D và chị Thân Thị Thùy T số tiền 19.200.000 đồng, của anh Nguyễn Minh Đ 01 xe Dream trị giá 10.000.000 đồng, của chị Huỳnh Thị Thùy T số tiền 453.000 đồng, của anh Nguyễn Văn T 01 mô tơ bơm nước trị giá 350.000 đồng. Theo kết quả giám định tổng cộng trị giá thành tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 30.003.000 đồng, trong đó có 2 lần bị cáo trộm gồm (trộm tiền của chị Huỳnh Thị Thùy T và trộm mô tơ của anh Nguyễn Văn T nhưng chưa đủ định lượng, nên khấu trừ còn lại trị giá 29.200.000 đồng là số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, không an tâm lao động, sản

xuất. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ và nhân thân: Bị cáo không tiền án tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành thật khai báo, ăn năn hối cải, tự khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản trước đó chưa được phát hiện, gia đình và bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại, bị hại anh D, anh Đ có đơn bãi nại cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có cha là người có công với Cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản hay quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét lời luận tội của vị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đưa ra đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh D, chị T, anh T3 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn Minh Đ đã nhận số tiền 10.000.000 đồng bồi thường chiếc xe bị mất và không có yêu cầu gì thêm. Chị Huỳnh Thị Thùy T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 453.000đồng và không yêu cầu bồi thường gì nên ghi nhận.

Bị cáo không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự đối với anh T1 và anh T2 về việc cầm cố đối với chiếc xe mô tô của anh Đ đã mất không thu hồi được, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra đã trả cho anh D chị T 19.200.000 đồng, trả cho anh T3 01 mô tơ bơm nước công suất một ngựa, nên không đặt ra xem xét. 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, loại S1S, màu hồng, số IMEI: 863091036153117 của bị cáo đã qua sử dụng, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 52; Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01(Một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại S1S, màu hồng, số IMEI: 863091036153117, đã qua sử dụng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2020 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh tây Ninh. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự C.A h.Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu